TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN ĐỊNH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÕA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **174**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 9 - 2021
V/v Ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Thu

2. Ông Trần Bình Trọng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nương - Thư ký TAND huyện Yên Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định tham gia phiên tòa**:** *Bà Lê Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên*

Ngày 29/9/2021 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 về việc Ly hôn và nuôi con chung. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 10/9/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị H, sinh năm: 1987. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn G, sinh năm: 1984. (Vắng mặt)

Nơi ĐKNKTT: Thôn P, xã Đ, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Tổ 3 phường N, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của chị Trịnh Thị H ngày 20/4/2021 và quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn chị Trịnh Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn G xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký kết hôn ngày 14/3/2011 tại UBND xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ cH chung sống hòa thuận hạnh phúc được 01 năm. Đến năm 2013 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh G chơi bời, rượu chè, cờ bạc không chịu tu chí làm ăn, chị có khuyên giải anh G nhưng không thay

đổi, dẫn đến tình cảm vợ cH ngày càng trở nên mâu thuẫn trầm trọng. Sau khi mâu thuẫn xảy ra đã được hai bên gia đình phân tích khuyên giải nhưng không thành. Nên đến tháng 3/2013 chị đã về mẹ đẻ ở, từ đó đến nay vợ cH sống ly thân không quan tâm đến nhau. Hiện nay chị không có thai nghén gì. Chị xét thấy tình cảm giữa chị và anh G không còn nên chị làm đơn xin được ly hôn anh G.

Về con chung: Chị và anh G có 01 con chung là Lê Thị Thanh T, sinh ngày 31/12/2011. Hiện nay con khỏe mạnh bình thường và đang ở cùng với chị. Khi ly hôn nguyện vọng của chị H được trực tiếp nuôi cháu T, chị không yêu cầu anh G cấp dưỡng.

Về tài sản và nợ chung: Chị và anh G không có tài sản chung và công nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị G vắng mặt tại nơi cư trú, căn cứ địa chỉ nguyên đơn cung cấp, ngày 18 tháng 6 năm 2021 TAND huyện Yên Định ban hành Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ cho TAND thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Tòa án thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum đã giao cho anh G Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập. Quá trình giải quyết anh Lê Văn G không đồng ý đến Tòa án làm việc và không viết bản tự khai.

Anh Lê Văn G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án tiến hành các biện pháp xác minh thu thập chứng cứ.

Tại biên bản xác minh ngày 30 tháng 8 năm 2021 Bà Nguyễn Thị K là mẹ đẻ anh G trình bầy:

Chị H và anh G kết hôn năm 2011, sau khi kết hôn chị H và anh G đi vào Miền nam để làm ăn, sau khi chuẩn bị sinh con chị H đã về Bắc trước để sinh con. Trong thời gian chị H sinh con anh G vẫn thường xuyên đi về thăm hỏi vợ con, vợ cH mâu thuẫn như thế nào bà không rõ lắm. Nay chị H làm đơn xin ly hôn bà không mong muốn con cái phải ly hôn. Nhưng chị H và anh G không ở được với nhau nữa thì tùy các con quyết định. Chị H và anh G có 01 con chung, hiện nay cháu đang ở với chị H. Chị H và anh G không có tài sản chung và công nợ chung gì.

Sau khi xác minh xong, Thẩm phán đã điện thoại cho anh G để bà Huê nói chuyện với anh G và bật loa ngoài cho mọi người cùng nghe, bà Huê xác nhận đó là anh G đang nói chuyện với bà. Nội dung như sau: Anh đã nhận được các giấy tờ của Tòa án, thừa nhận đã biết việc chị H làm đơn xin ly hôn, anh không về được, anh đã ký và làm các thủ tục với Tòa án. Về hôn nhân anh đồng ý ly hôn với chị

H; về con chung: vợ cH có 01 con chung anh đồng ý giao con cho chị H nuôi dưỡng; về tài sản và công nợ chung vợ cH không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh đồng ý để mẹ anh nhận các giấy tờ thủ tục và thông báo lại cho anh. Hiện tại anh đang ở trong vùng dịch CoViD-19 nên anh không về được, anh đề nghị Tòa án giải xét xử vắng mặt anh. Nội dung này được chuyển tải thành văn bản, có xác nhận của bà Huê và cán bộ tư pháp xã Đ, văn bản này đã được đưa vào hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt. Bị đơn triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ của mình. Về nội dung: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, 228, Bộ luật TTDS; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Định giải quyết: Về Hôn nhân: Đề nghị HĐXX xử cho chị Trịnh Thị H được ly hôn anh Lê Văn G. Về con chung: Đề nghị HĐXX giao cháu Lê Thị Thanh T cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Buộc chị H phải nộp án phí theo quy định.

Kiến nghị khắc phục vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

{ 1} Về tố tụng:

1.1. Xác định thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh G là đúng quy định về thẩm quyền xét xử, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Về sự vắng mặt của các đương sự:

Tại phiên tòa chị H vắng mặt, đã có đơn xin đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt. Anh G đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt.Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

{2} Về nội dung:

2.1 Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh G là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nguyên nhân

mâu thuẫn là do quan điểm sống không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, anh G không quan tâm đến gia đình, không chăm lo cho vợ con. Đó là nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn dẫn đến không thể hàn gắn được. Hai bên sống ly thân từ tháng 3/2013 đến nay.

Đánh giá thực trạng mâu thuẫn cuộc sống vợ cH: Chị H và anh G sống ly thân từ năm 2013 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh G đã mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Hiện tại đời sống chung đã chấm dứt. Nay chị H xác định tình cảm vợ cH không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh G. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp.

2.2 Về con chung: Chị và anh G có 01 con chung, nguyện vọng của chị H được trực tiếp nuôi con, anh G cũng đồng ý để chị H nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này. Về phần cấp dưỡng nuôi con chung chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. Về tài sản và công nợ chung: Chị H trình bầy vợ cH không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

2.4. Về án phí: Chị H khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng*: Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

- *Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu của chị Trịnh Thị H.

Về hôn nhân: Chấp nhận chị Trịnh Thị H được ly hôn anh Lê Văn G.

Về con chung: Chị H và anh G có 01 con chung. Giao cho chị Trịnh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thị Thanh T, sinh ngày 31/12/2011. Về cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu.

Anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản và công nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Chị Trịnh Thị H phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn)* mà chị H đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, theo Biên lai thu số AA/2019/0005433 ngày 20/4/2021. Chấp nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Tuyên quyền kháng cáo bản án cho chị H, anh G trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKS huyện Yên Định;
- TAND Tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- UBND xã Đ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Thắng